

Số: 06/2020/QĐST-HNGĐ

Yên Mô, ngày 11 tháng 02 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 06/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị T, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Xóm 11, xã Khánh Thịnh, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Lê Văn T1, sinh năm: 1962

Địa chỉ: Xóm 11, xã Khánh Thịnh, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 02 năm 2020;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị T và anh Lê Văn T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cho anh Lê Văn T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Ngọc Minh A, sinh ngày 08 tháng 07 năm 2018 cho đến khi cháu Lê Ngọc Minh A thành niên.

Chị Mai Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Minh A được sống chung với anh T, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung. Anh T và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con.

2.2. Về tài sản và công nợ: Chị T và anh T thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải nộp số tiền án phí ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số AA/2016/0002214 ngày 08 tháng 01 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô, chị T còn được hoàn lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- UBND xã KT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN
PHẠM ĐIỀU OANH
(ĐÃ KÝ)**

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).